

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 91/2021/DS-PT

Ngày: 28 - 6 - 2021

V/v: “Yêu cầu hủy văn bản
tặng cho quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 66/2021/TLPT-DS ngày 18/5/2021, về việc: “Yêu cầu hủy văn bản tặng cho quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2021/QĐ-PT ngày 11/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm B, sinh năm: 1928; địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm T, sinh năm: 1972; địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2020), có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T1, sinh năm: 1979; địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm T, sinh năm: 1972; địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3.2. Ông Phạm H, sinh năm: 1977; địa chỉ: Ấp S, xã R, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm H: Ông Phạm T; địa chỉ: Đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2020), có mặt.

3.3. Văn phòng công chứng Đ; địa chỉ: Đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Vương Thị Bích D; địa chỉ: Đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 15/10/2020), đã có đơn xin vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm T trình bày có nội dung như sau:

Ngày 12/7/2018, gia đình ông Phạm B có đến Văn phòng công chứng Đ lập Văn bản phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L đã chết để lại cho ông Phạm B (là chồng) và các con là Phạm T, Phạm H, Phạm Thị T1. Di sản thừa kế là phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 3318xx, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/3/2018, đứng tên ông Phạm B, đối với thửa đất số 15 (cũ: 869a), tờ bản đồ số 93 (cũ: 4) diện tích 2290,8m², tọa lạc tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông B và các con thỏa thuận tách ra thành 04 thửa đất và phân chia, cụ thể như sau: Thửa số 246, tờ bản đồ số 93, diện tích 233m² được chia cho bà Phạm Thị T1; thửa số 245, tờ bản đồ số 93, diện tích 241,2m² được chia cho ông Phạm T; thửa số 247, tờ bản đồ số 93, diện tích 257,9m² được chia cho ông Phạm H; còn thửa số 248, tờ bản đồ số 93, diện tích 1558,7m² được chia cho ông Phạm B. Sau khi ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế như trên, thì bà Phạm Thị T1 yêu cầu chia thêm.

Cùng ngày 12/7/2018, ông Phạm B có lập Văn bản thỏa thuận tặng cho phần quyền sử dụng đất của mình và phần di sản thừa kế thuộc bà Nguyễn Thị L mà ông B được hưởng là thửa đất 248, tờ bản đồ số 93, diện tích 1558,7m² cho các con của ông B được hưởng, theo tỷ lệ như sau: Ông Phạm T được nhận 50%; ông Phạm H được nhận 25% và bà Phạm Thị T1 được nhận 25%; trong đó người đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là ông Phạm T; điều kiện để nhận phần được tặng cho như trên thì các con ông B là ông Phạm T, ông Phạm H và bà Phạm Thị T1 phải có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng ông Phạm B cho đến khi ông B qua đời. Nếu vi phạm cam kết nêu trên thì không được nhận phần tặng cho của mình nữa. Sau khi ông B qua đời thì tài sản trên làm nơi thờ cúng nếu chuyển nhượng phải được sự đồng ý của các thành viên đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Văn bản thỏa thuận này đã được Văn phòng công chứng Đ chứng nhận vào ngày 12/7/2018, số công chứng 05231, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD. Đến ngày 24/8/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 2973xx cho ông Phạm T là người đại diện cho những người đồng thừa kế quyền sử dụng đất gồm ông Phạm H và bà Phạm Thị T1.

Sau khi được tặng cho quyền sử dụng đất, bà Phạm Thị T1 đã không chăm sóc, phụng dưỡng ông Phạm B như cam kết tại Văn bản thỏa thuận, cụ thể là không

chăm sóc và khi ông B bị ốm đi bệnh viện thì bà T1 chỉ có chăm sóc được một hai ngày rồi lại thôi, bà T1 có nhờ ông C (là cậu ruột) lên gặp ông B đòi chia thêm phần đất để bán. Hiện nay bà T1 và ông B đang chung sống trong một nhà tại đường V, phường K, thành phố B. Ông T xác định khi ông B đi thành phố Hồ Chí Minh chữa bệnh, bà T1 có xuống nhưng không ghé thăm. Như vậy, bà T1 đã vi phạm nội dung cam kết của văn bản thỏa thuận nên ông Phạm B khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Văn bản thỏa thuận, về việc tặng cho thửa đất 248, tờ bản đồ số 93, diện tích 1558,7m² tọa lạc tại phường K, thành phố B, đã được Văn phòng công chứng Đ chứng nhận ngày 12/7/2018, số công chứng 05231, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD.

Đối với yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận việc ông Phạm T và ông Phạm H trả lại phần đất đã tặng cho, thì quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm B đã rút yêu cầu và Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị T1 trình bày có nội dung như sau:

Bà Phạm Thị T1 là con của ông Phạm B, bà Nguyễn Thị L (đã qua đời) và là em của ông Phạm T và ông Phạm H. Bà T1 thống nhất với phần trình bày của ông Phạm T về việc phân chia di sản thừa kế của mẹ là bà Nguyễn Thị L để lại. Sau khi thỏa thuận phân chia di sản thừa kế xong, thì ông Phạm B đã lập Văn bản thỏa thuận ngày 12/7/2018, về việc tặng cho phần quyền sử dụng đất của ông và phần di sản thừa kế thuộc bà Nguyễn Thị L mà ông B được hưởng là thửa đất 248, tờ bản đồ số 93, diện tích 1558,7m² cho các con là ông Phạm T, ông Phạm H và bà Phạm Thị T1 theo tỷ lệ ông T 50%, ông H 25% và bà T1 25%, việc tặng cho tài sản đúng như nội dung nguyên đơn đã trình bày trên và đã được Văn phòng công chứng Đ chứng nhận ngày 12/7/2018, số công chứng 05231, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD. Sau đó đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận cho ông Phạm T là đại diện cho những người đồng thừa kế là ông Phạm H và bà Phạm Thị T1.

Khi ông B ốm đau thì bà T1 thường xuyên chăm sóc tại bệnh viện cũng như tại nhà, vì bà T1 và ông B đang sống chung trong cùng nhà và không có việc bà T1 không chăm sóc, phụng dưỡng ông B theo như lời trình bày của ông T. Lý do ông B làm đơn khởi kiện là do giữa bà T1 và ông T có mâu thuẫn nhau, ông T có đánh đập bà T1, gây sức ép về sức khỏe và tinh thần nên bà T1 đã trình báo đến Công an phường K, do đó ông T và ông H đã xúi giục ông B làm đơn khởi kiện. Thực tế diện tích đất nhận tặng cho gia đình bà T1 đang quản lý sử dụng. Bà T1 cho rằng do bà đi công tác tại huyện E (Hạt kiểm lâm huyện E) nên cũng không thường xuyên có nhà, do vậy các anh trai của bà đã xúi giục ông B làm đơn hủy văn bản thỏa thuận tặng cho tài sản là không đúng, đồng thời ông H cũng ở xa, không chăm sóc phụng dưỡng nhưng ông B lại đi đòi phần tài sản đã tặng cho bà T1. Do đó bà T1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Phạm B.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Phạm T và ông Phạm H: Điều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án hủy văn bản tặng cho và giao trả lại đất cho ông Phạm B.

2. Người đại diện theo ủy quyền của Văn phòng công chứng Đ trình bày như sau:

Ngày 12/7/2018, Văn phòng công chứng Đ có nhận được yêu cầu của ông Phạm B về việc đề nghị công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị L để lại cho ông Phạm B và các con là ông Phạm T, Phạm H và bà Phạm Thị T1. Di sản thừa kế là phần quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 15 (cũ: 869a), tờ bản đồ số 93 (cũ: 4) diện tích 2290,8m² tọa lạc tại phường K, thành phố B, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/3/2018 cho ông Phạm B, thỏa thuận phân chia thành 04 thửa đất như lời trình bày của ông Phạm T. Sau khi kiểm tra, Văn phòng công chứng Đ đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai, thông báo phân chia di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật và đã công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế.

Đối với thửa đất số 248, tờ bản đồ số 93, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 3318xx, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/3/2018, ông Phạm B đồng ý tặng cho phần di sản thừa kế mà mình được hưởng cùng với phần quyền sử dụng đất của mình cho ba người con là Phạm T, Phạm H và Phạm Thị T1. Tại thời điểm công chứng các bên có năng lực hành vi dân sự, tự nguyện thực hiện thỏa thuận, hồ sơ pháp lý đầy đủ nội dung, Văn bản thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Văn bản thỏa thuận công chứng số 05231, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/7/2018 là do các bên tự nguyện thỏa thuận và thống nhất yêu cầu nhân viên soạn thảo ghi trong văn bản thỏa thuận. Sau khi soạn thảo xong các bên đã tự đọc lại bản dự thảo các văn bản thỏa thuận và thống nhất đồng ý với toàn bộ nội dung trong Văn bản thỏa thuận, nên Văn phòng công chứng Đ đã công chứng Văn bản thỏa thuận số 05231 quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/7/2018. Văn phòng công chứng Đ khẳng định: Việc thực hiện công chứng văn bản thỏa thuận nêu trên là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật cả về nội dung và trình tự thủ tục công chứng, còn việc thực hiện các điều khoản của các văn bản thỏa thuận là trách nhiệm của các bên tham gia giao kết, không liên quan đến Văn phòng công chứng. Do đó, việc ông Phạm B khởi kiện thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2021/DS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Căn cứ các Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 457, 459, 462 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của ông Phạm B về việc yêu cầu Tòa án hủy văn bản thỏa thuận tặng cho thửa đất 248 tờ bản đồ số 93 diện tích 1558,7m² tọa lạc tại phường K, thành phố B, được Văn phòng công chứng Đ chứng nhận ngày 12/7/2018 giữa ông Phạm B và bà Phạm Thị T1.

2. Về án phí: Ông Phạm B được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ông Phạm B phải chịu 1.500.000 đồng chi phí định giá thẩm định tại chỗ, được khấu trừ đã nộp tại Tòa án ngày 13/10/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/4/2021 người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử chưa khách quan, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Văn bản thỏa thuận tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/7/2018, giữa người tặng cho là ông Phạm B với người được tặng cho là ông Phạm T, bà Phạm Thị T1 và ông Phạm H, được văn phòng công chứng Đ công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm T cho rằng bà Phạm Thị T1 đã vi phạm nội dung của văn bản thỏa thuận, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận tặng cho thửa đất 248 tờ bản đồ số 93 diện tích 1558,7m² tọa lạc tại phường K, thành phố B do văn phòng công chứng Đ chứng nhận ngày 12/7/2018 là có căn cứ, nên kháng cáo của ông Phạm T là không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với kháng cáo của người đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Phạm T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Ngày 12/7/2018, ông Phạm B lập Văn bản thỏa thuận, về việc tặng cho phần quyền sử dụng đất của ông và phần di sản thừa kế thuộc bà Nguyễn Thị L mà ông B1 được hưởng là thửa đất 248, tờ bản đồ số 93, diện tích 1558,7m² cho các con là ông Phạm T, ông Phạm H và bà Phạm Thị T1 theo tỷ lệ ông T 50%, ông H 25% và bà T1 25%; trong đó người đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là ông Phạm T; điều kiện để nhận phần được tặng cho như trên thì các con ông B là ông Phạm T, ông Phạm H và bà Phạm Thị T1 phải có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng ông Phạm B cho đến khi ông B qua đời. Nếu vi phạm cam kết nêu trên thì không được nhận phần tặng cho của mình nữa. Văn bản

thỏa thuận đã được Văn phòng công chứng Đ chứng nhận vào ngày 12/7/2018, số công chứng 05231, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD. Đến ngày 24/8/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 2973xx, cho ông Phạm T là người đại diện cho những người đồng thừa kế quyền sử dụng đất gồm ông Phạm H và bà Phạm Thị T1.

[1.2] Đối với ý kiến của ông Phạm T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng bà Phạm Thị T1 đã vi phạm nội dung cam kết tại Văn bản thỏa thuận là không phụng dưỡng, chăm sóc ông Phạm B. Tuy nhiên, bà T1 xác định bà vẫn chăm sóc, phụng dưỡng ông Phạm B ở nhà cũng như tại bệnh viện khi ông B đau ốm, vì bà T1 và ông B đang sống chung trong cùng nhà với nhau. Ông B và ông T cũng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu để chứng minh cho lời trình bày của mình. Đồng thời, căn cứ các chứng cứ, tài liệu thu thập được đã xác định là bà T1 vẫn thực hiện trách nhiệm thăm nom, phụng dưỡng và chăm sóc khi ông Phạm B đau ốm. Mặt khác, qua xác minh tại địa phương nơi ông B và bà T1 cư trú, địa phương đã xác định bà T1 không có hành vi ngược đãi, xúc phạm đối với ông Phạm B. Do đó ý kiến của nguyên đơn và ý kiến của ông Phạm T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, việc ông Phạm B tặng cho tài sản cho các con là bà Phạm Thị T1, ông Phạm T và ông Phạm H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; bên nhận tặng cho đã đăng ký quyền sở hữu theo quy định của luật và hợp đồng tặng cho đã có hiệu lực; người nhận tặng cho là bà Phạm Thị T1 vẫn thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận và không vi phạm điều kiện tặng cho. Bản án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy văn bản thỏa thuận tặng cho thửa đất 248 tờ bản đồ số 93 diện tích 1558,7m² tọa lạc tại phường K, thành phố B do Văn phòng công chứng Đ chứng nhận ngày 12/7/2018 giữa bên tặng cho ông Phạm B với bên nhận tặng cho bà Phạm Thị T1, ông Phạm T và Phạm H, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó kháng cáo của ông Phạm T, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Phạm B sinh năm 1928, là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 457; Điều 459 và Điều 462 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm B, về việc: Yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận, về việc tặng cho thửa đất 248, tờ bản đồ số 93, diện tích 1558,7m² tọa lạc tại phường K, thành phố B, đã được Văn phòng công chứng Đ chứng nhận ngày 12/7/2018, số công chứng 05231, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD, giữa bên tặng cho là ông Phạm B với bên được tặng cho là ông Phạm T, ông Phạm H và Bà Phạm Thị T1.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm B phải chịu 1.500.000 đồng chi phí định giá, thẩm định tại chỗ và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng là 1.500.000 đồng đã nộp tại Tòa án ngày 13/10/2020 (đã thẩm định, định giá và chi phí xong).

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm B.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cáo (Vụ 2);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình